

QUAN ĐIỂM CHÂN NHƯ-PHẬT TÍNH TRONG TÁC PHẨM THAM ĐỒ HIỂN QUYẾT CỦA THIỀN SƯ VIÊN CHIẾU



TRAO ĐỔI - NGHIÊN CỨU

Quan điểm chân như-Phật tính trong tác phẩm Tham Đồ Hiển Quyết của Thiền sư Viên Chiếu

Thích Nữ Trung Ý

Dẫn nhập:

Trong số các vị thiền sư nổi tiếng của thiền phái Vô Ngôn Thông, Viên Chiếu được xem là vị thiền sư tài hoa bậc nhất. Không những là bậc chân tu ngộ đạo, còn có tài văn chương xuất chúng. Tất cả những tác phẩm thiền sư trước tác và để lại cho đến nay chỉ còn Tham đồ hiển quyết, nhưng đó là kết tinh hết từ những hương thơm cỏ lạ, khoe sắc giữa vườn văn học thiền tông Việt Nam.

Tag: Phật tính, thiền sư Viên Chiếu, chân như, văn chương, học đạo,



Dẫn nhập:

Trong số các vị thiền sư nổi tiếng của thiền phái Vô Ngôn Thông, Viên Chiếu được xem là vị thiền sư tài hoa bậc nhất. Không những là bậc chân tu ngộ đạo, còn có tài văn chương xuất chúng. Tất cả những tác phẩm thiền sư trước tác và để lại cho đến nay chỉ còn Tham đồ hiển quyết, nhưng đó là kết tinh hết từ những hương thơm cỏ

lạ, khoe sắc giữa vườn văn học thiền tông Việt Nam.

Tag: Phật tính, thiền sư Viên Chiếu, chân như, văn chương, học đạo,

Theo Thiền sư Viên Thiền uyển tập 圓照 (999 – 1901), chùa Cát Tường, kinh đô Thăng Long. Sư họ Mai, tên Trục, người Long Đàm, Phúc Đường. Là con người anh bà Thái hậu Linh Cảm nhà Lý. Từ nhỏ đã thông minh hiếu học. Sư xuất gia và thọ giáo với thiền sư Định Hương núi Ba Tiêu. Sư rất tinh thông pháp Tam quán trong kinh Viên Giác, thâm đắc ngôn ngữ tam muội, thuyết giảng lưu loát, người đến học rất đông(1). Tham đồ hiển quyết là một tác phẩm viết theo thể tài thoại đầu thiền ngữ. Tức là thiền sinh đặt ra câu hỏi về những vấn đề nan giải như chân như, Phật tính, hay các vấn đề khác nữa. Tất cả được sư kiến giải bằng hình ảnh thi ca đơn giản mà vô cùng thâm thúy.

Thiền sư Viên Chiếu khéo léo tinh tế vận dụng những hiện tượng nghịch lý của cuộc sống hiện thực, nhằm đả kích sự trục ngộ của người hỏi. Kéo tâm phóng đảng, bay bổng, miên viễn của người học đạo trở về với thực tại, nhìn sâu vào bản chất, bản thể tự tính thanh tịnh của mỗi người. Thiền học “chú trọng đến chữ tâm, khai thác tận cùng các yếu tố thuộc về tâm chứ không đơn thuần chỉ là tìm hiểu để khai thác mặt tâm lý xã hội”(2).



TRAO ĐỔI - NGHIÊN CỨU

Quan điểm chân như-Phật tính trong tác phẩm Tham Đồ Hiển Quyết của Thiền sư Viên Chiếu

Thích Nữ Trung Ý

Dẫn nhập:

Trong số các vị thiền sư nổi tiếng của thiền phái Vô Ngôn Thông, Viên Chiếu được xem là vị thiền sư tài hoa bậc nhất. Không những là bậc chân tu ngộ đạo, còn có tài văn chương xuất chúng. Tất cả những tác phẩm thiền sư trước tác và để lại cho đến nay chỉ còn Tham đồ hiển quyết, nhưng đó là kết tinh hết từ những hương thơm cỏ lạ, khoe sắc giữa vườn văn học thiền tông Việt Nam.

Tag: Phật tính, thiền sư Viên Chiếu, chân như, văn chương, học đạo,

Vì vậy, tư duy thiền học tức là lối tư duy của trực cảm, trực giác tâm linh. Chính nhờ khả năng trực cảm ấy, con người mới trực ngộ được bản thể của các pháp. Cuộc tham vấn tiếp tục khi người học trò đặt câu hỏi: “Thanh thanh thúy trúc tận chân như. Như hà thị chân như dụng? (Xanh xanh trúc biếc thấy đều chân như. Thế nào là cái dụng của chân như?). Sư đáp:

贈君千里远

笑把盛茶

“Tặng quân thiên lý viễn

Tiểu bả nhất âu trà” (3).

(Tặng người nghìn dặm xa

Cười xách một bình trà)

Đôi khi việc học đạo không đòi hỏi những điều quá cao siêu, thần bí, mà chỉ là sự cảm nhận từ những điều thật đơn giản, nhẹ nhàng nhưng thật sâu sắc. Vấn đề bản thể của vạn pháp được thiền sư lý giải nhẹ nhàng như việc một người đi xa nghìn dặm được ân cần cười tặng một bình trà. Đối với người học trò, bản thể chân như có mặt trong tất cả khóm trúc xanh xanh kia, nhưng vẫn chưa hiểu thế nào là dụng của chân như. Dụng là khái niệm của Đại Thừa chỉ tác dụng giáo hóa thế gian.

Như vậy, giải quyết vấn đề bản thể chân như của các pháp một cách đơn giản nhưng vô cùng thiện xảo, lại một lần nữa thiền sư Viên Chiếu hướng tâm người học trò trở lại với thế giới hiện thực. Chân như không ở đâu xa mà vẫn luôn hiện hữu trong cuộc sống, nơi hàng trúc xanh xanh kia. Điều này nói lên rằng trong mỗi con người đều có bản thể chân như thanh tịnh, chỉ những ai dụng công phu tu tập quét sạch lớp bụi vô minh mới nhận ra mà thôi, nếu không đều bị phủ kín bởi lớp bụi ấy thì thật khó để tiếp cận với thể tính tịch tĩnh của chân như. Dụng của chân như giống như một ấm trà vui vẻ tặng cho người đi đường xa, giúp thêm sức mạnh vượt qua khó khăn trên đường. Hành giả muốn cảm nhận tác dụng thật sự của chân như, cần có một công phu hành trì tu tập niêm mật, sống với tâm thế tự tại an nhiên. Giống như việc người khách phương xa thưởng thức một tách trà, bỏ qua những phân biệt đối đãi về loại trà hay cách thức pha trà, mới cảm nhận được trọn vẹn hương vị của nó. Vị tăng lại hỏi: “Nhậm ma tức không lai hà ích?”. (Thế nào là uống công đến mà không ích gì?). Sư liền đáp rằng:

谁识东啊去。

途中载白头。

“Thùy thức Đông a khứ

Đồ trung tải bạch đầu”(4).

(Ai hay đi đến gò Đông

Bạc đầu mà vẫn ruỗi rong

giữa đường)

Bên trên đã khai tâm trí của người học trò về bản thể của các pháp hiện hữu, dụng của chân như Phật tính đều tồn tại trong mỗi người chứ không phải riêng cá nhân nào. Chân như là sẵn có trong mỗi chúng sinh, ai ai cũng có thể tính thanh tịnh, điều này khiến người học trò cho đó

là điều bình thường hiển nhiên, vậy mới nói là uống công đến mà không lợi ích gì. Tuy nhiên lại quên rằng không phải ai cũng có thể nhận ra sự có mặt của chân tâm thường trụ nơi chính bản thân mình.



Thiền sư Viên Chiếu hay trì kinh Viên Giác, vì vậy quan niệm về bản thể chân như cũng có ảnh hưởng tư tưởng của bản kinh này. Bản thể trong kinh Viên Giác chính là Viên giác diệu tâm Như Lai: “tất cả chúng sinh và mọi vật huyễn hóa đều sinh từ Viên giác diệu tâm Như Lai. Ví như hoa đốm trong hư không từ hư không mà có, hoa đốm tuy diệt mà tính hư không không hoại. Tâm huyễn của chúng sinh lại y nơi pháp huyễn mà diệt. Pháp huyễn tâm huyễn diệt hết thì tính giác bất động”(5).

Người tham vấn cứ thế lại hỏi một câu khác: “Nhất thiết chúng sinh, giai ngôn thị Phật. Thử lý vị minh, thỉnh sư thù thị”. (Hết thấy chúng sinh, nói mình là Phật. Chưa thấu ngọn ngành, xin thầy diu dắt). Sư đáp:

劝君且务农桑去。

莫学他人待兔劳。

“Khuyến quân thả vụ nông

tang khứ

Mạc học tha nhân đãi thổ lao”(6).

(Khuyên người gắng việc nông tang

Học người chờ thả bên đường uống công)

Lời tuyên bố của đức Phật sau bốn mươi chín ngày đêm thiền định dưới cội cây Bồ Đề xác chứng chắc chắn rằng: “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”, tức là tất cả chúng sinh đều có Phật tính và điều có khả năng thành Phật. Điều đó cho chúng ta một niềm tin mãnh liệt để bước trên con đường tu tập theo giáo lý Phật đã dạy. Trong kinh Hoa Nghiêm có ghi rõ: “Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ đức tướng Như Lai”. Như vậy, chúng ta không còn

chút nghi ngờ gì nữa về Phật tính sẵn có trong mỗi người, có điều đức Phật đã nhận ra Phật tính, giác ngộ hoàn toàn còn chúng ta tuy sẵn có nhưng vì vô minh phiền não che lấp không nhận ra, không làm hiển lộ Phật tính ấy ra bên ngoài.

Thiền sư bằng kinh nghiệm của một người tu hành chứng đạo, khuyên người học trò quay về làm những việc bình thường đồng áng của nông phu. Viên Chiếu dùng một điển tích rút từ thiên Ngũ đố trong Hàn Phi Tử, kể về nước Tống có một người làm nông gặp một con thỏ chạy vấp phải một gốc cây mà chết. Anh đem về làm thịt ăn. Hôm sau ra đồng, bỏ cả cày bừa, đến gốc cây ngồi đợi một con thỏ khác, nhưng cuối cùng vẫn không có con thỏ khác còn bị người nước Tống chê cười(7). Qua câu chuyện trên ngụ ý dạy cho chúng ta đừng phí công trông chờ vào những chuyện ăn may, việc xảy ra một lần nên nghĩ sẽ luôn luôn diễn ra như thế nên trông chờ.

Nắm bắt được tâm tư suy nghĩ của người học trò, thiền sư lo sợ người học trò rơi vào tự mãn khi chấp vào câu nói hết thấy chúng sinh đều là Phật, chưa chứng mà cho đã chứng sinh ra tâm lý ỷ lại, không cần tu tập, không cầu giải thoát. Cho nên Ngài mới khuyên hãy làm những việc bình thường với tâm sáng suốt tĩnh lặng, tức là “bình thường tâm thị đạo”. Đừng tìm kiếm Phật ở đâu xa xôi, Phật hiện hữu trong tâm mình, tâm thanh tịnh sáng suốt đó chính là tâm Phật. Dù làm những công việc đồng áng thường ngày trồng rau, hái trái đi chẳng nữa nhưng với cái tâm không vọng động, không phiền não chấp trước thì đó là tâm chư Phật hiện hữu.

Tăng lại thưa: “Hạnh môn sư hiển quyết, chung bất hướng tha cầu”. (Ơn thầy chỉ rõ trước sau, chung quy khỏi phải tìm đâu thêm phiền). Sư đáp:

可怜遭一噎。

饥坐却忘餐。

“Khả lân tao nhất yết

Cơ tọa khước vong san”(8).

(Thương thay từng ghen một đôi lần

Đói lả ngồi ngây chẳng dám ăn)

Người học trò khi được thiền sư dạy như thế, cho là đã ngộ rồi không cần đi tìm cầu ở nơi khác. Thiền sư khai ngộ bằng hình ảnh một người đói lả ngồi trước thức ăn mà chưa dám ăn, thật đáng thương. Chỉ ý của thiền sư muốn nói đến những vị nghe rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tính, tỏ ra tự mãn không muốn tìm cầu, không thực hành các thiện pháp, mà muốn thành Phật. Như thế thật không khác gì người đói, đói công phu tu tập theo giáo pháp Như Lai mà khao khát thành Phật. Thiền sư giảng đến đây, người học trò thốt lên rằng: “Kỷ niên đa tích năng trung bảo, kim nhật đương trường địch diện khan”. (Của báu bao năm công góp nhặt, đến nay nhìn trước mắt rành rành). Sư đáp:

祇待中秋月。

却遭云雨侵。

“Chỉ đãi trung thu nguyệt

Khước tao vân vũ xâm”(9).

(Những đợt trăng trung thu
Nào hay khuất mây mù)



Nhiều năm bao công góp nhặt của báu, ngày nay trước mắt thấy rõ ràng. Câu này người học trò hỏi mà dường như không hỏi. Nghe qua câu nói của người học trò, tưởng chừng đã ngộ, tự nhận ra chân tâm Phật tính trong chính mình. Nhưng thiền sư Viên Chiếu lại nói: chờ mãi trăng trung thu để thấy trăng tròn sáng nhất, nào ngờ bị mây mưa che khuất. Nghĩa là, người học trò đã biết nơi mỗi người đều có Phật tính thanh tịnh song chưa sáng tỏ mà bị mây vô minh che khuất, thật đáng buồn thay. Chân như Phật tính sáng suốt, thanh tịnh, tịch tĩnh, không có trong ngoài trước sau. Do đó, thiền sư biết người học trò tâm chưa sáng nên dùng hình ảnh ví dụ khác để khai tâm mở trí.

笑他徒抱柱。

溺死向中流。

“Tiếu tha đồ bao trụ

Nịch tử hướng trung lưu”(10).

(Cười ai vịn cột cầu

Chết đuối dưới dòng sâu)

Thiền sư dẫn một điển tích văn học Trung Quốc, kể về anh chàng tên Vi Sinh hẹn gặp người yêu dưới cột cầu. Người con gái không đến. Chờ mãi, nước lên, Vi Sinh giữ lời hứa không bỏ

chỗ hện, ôm cột cầu mà chết đuối. Mượn câu chuyện để dạy cho người học trò rằng, chúng ta nhận biết Phật tính tồn tại trong mỗi người nhưng không đồng nghĩa thành Phật. Chúng sinh ai ai cũng có Phật tính nhưng không phải ai cũng đều thành Phật. Đừng nhọc công ngồi chờ như anh chàng Vi Sinh kia, thật uổng công vô ích. Nếu chấp vào Phật tính sẵn có rồi không tu tập, không thực hành thiện định, không thực hành chính pháp, mong thành Phật thì quyết không có lẽ đó. Người học trò lại hỏi: “Nhậm ma tức thành Phật đa đã?”. (Như thế nào là nhiều người thành Phật, ý nghĩa câu đó thế nào?). Sư đáp:

祖龙驱自止。

徐福远徒劳。

“Tổ Long khu tự chỉ

Từ Phúc viễn đồ lao”(12).

(Đường xa Từ Phúc nhọc lòng

Nửa chừng rong ruổi Tổ Long phải dừng)

Người học trò thắc mắc vì sao lại nhiều người thành Phật? Vì theo lời Phật dạy tuyên bố là tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có khả năng thành Phật. Thắc mắc đó được thiền sư lý giải bằng cách dẫn câu chuyện của Tần Thủy Hoàng (Tổ Long) sai đạo sĩ Từ Phúc đi ra biển tìm cỏ trường sinh. Từ Phúc dẫn ba nghìn đồng nam, ba nghìn đồng nữ đi tìm nhưng mãi không thấy trở về. Còn Tần Thủy Hoàng vẫn ở tại quê hương của mình.

Có Phật tính với thành Phật là hai vấn đề khác nhau, không thể đồng nhất được. Có Phật tính chỉ là tiền đề dẫn đến thành Phật, song để nhận ra và quay trở về với Phật tính thì không phải ai cũng có thể làm được. Những lời dạy của thiền sư Viên Chiếu về chân như, Phật tính xuất phát từ sự thật chứng sâu xa về thiền chỉ. Tuy giống nhau về bản chất giác ngộ nhưng để đạt đến thành Phật, còn tùy vào căn cơ tu tập của mỗi chúng sinh.

Thích Nữ Trung Ý

Tạp chí Nghiên cứu Phật học số tháng 3/2021

CHÚ THÍCH:

(1) Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga (dịch và chú giải) (2014), *Thiền uyển tập anh*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr 48.

(2) Nguyễn Công Lý (2016), *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: diện mạo và đặc điểm*, tái bản lần 3, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, tr 320.

(3) Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần, tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 274 - 275.

(4) Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần, tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 275.

(5) Thích Nhật Quang (2019), *Kinh Viên Giác giảng giải*, Nxb Hồng Đức, tr 106 - 107.

(6) Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần, tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 277.

(7) Dẫn lại Lê Mạnh Thát (2002), *Tổng tập Văn học Phật giáo Việt Nam, tập 3*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, tr 402.

(8) Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần, tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 277.

- (9) Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần, tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 277.
(10) Viện Văn học (1977), *Thơ Văn Lý - Trần, tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 277.
(11) Viện Văn học (1977), *Thơ Văn Lý - Trần, tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 292.
(12) Viện Văn học (1977), *Thơ Văn Lý - Trần, tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 278.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga (dịch và chú giải) (2014), *Thiền uyển tập anh*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
2. Nguyễn Công Lý (2016), *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: diện mạo và đặc điểm*, tái bản lần 3, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
3. Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần, tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Thích Nhật Quang (2019), *Kinh Viên Giác giảng giải*, Nxb Hồng Đức.
5. Lê Mạnh Thát (2002), *Tổng tập Văn học Phật giáo Việt Nam, tập 3*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh.